

Số: 1041/2022/QĐST-HNGĐ

Tân Phú, ngày 15 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 872/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị H., sinh năm 1984; địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Bùi Văn Kh., sinh năm 1984; địa chỉ: Số X2, đường Y2, phường Z2, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H. và ông Bùi Văn Kh. tự nguyện chung sống năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 15, quyển số 01/2011, ngày 18/02/2011 tại Ủy ban nhân dân phường A., thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc. Nhưng về sau từ năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Cả hai đã ly thân từ năm 2017 và không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Cả hai đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Nguyễn Thị H. và ông Bùi Văn Kh. yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: bà H. và ông Kh. cùng xác nhận không có con chung.

[3] Về tài sản chung: bà H. và ông Kh. tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

[4] Về các vấn đề khác: bà H. và ông Kh. cùng xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H. và ông Bùi Văn Kh. thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị H. và ông Bùi Văn Kh., theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 15, quyển số 01/2011, ngày 18/02/2011 tại Ủy ban nhân dân phường phường A., thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế chấm dứt kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: bà H. và ông Kh. cùng xác nhận không có con chung.

1.3. Về tài sản chung: bà H. và ông Kh. tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: bà H. và ông Kh. cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà H. và ông Kh. cùng phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà H. và ông Kh. đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0036043 ngày 08/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị H. và ông Bùi Văn Kh. đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Đức Tài